

QUỐC HỘI KHOÁ XV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH AN GIANG

Số: 27/ĐĐBQH-VP

V/v gửi tài liệu tiếp xúc cử tri
trước kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh An Giang

Thực hiện Kế hoạch số 03/KH-ĐĐBQH ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang về việc tiếp xúc cử tri và làm việc với chính quyền địa phương trước kỳ họp thứ Bảy, Quốc hội khoá XV, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang có dự thảo tài liệu phục vụ báo cáo tại các buổi tiếp xúc cử tri, xin gửi đến đại biểu kèm theo công văn này.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Lưu: VT, TTDN.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Trình Lam Sinh

TÀI LIỆU BÁO CÁO TẠI HỘI NGHỊ TIẾP XÚC CỬ TRI TRƯỚC KỲ HỌP THỨ 7, QUỐC HỘI KHÓA XV

Mục lục:

Phần I: Dự kiến nội dung Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV.....	trang 1
Phần II: Báo cáo hoạt động 3 tháng của Đoàn ĐBQH An Giang.....	trang 6
Phần III: Tình hình KTXH Quý I năm 2024 tỉnh An Giang	trang 10
Phần IV: Một số điểm sáng tình hình KTXH Việt Nam Quý I năm 2024....	trang 15

PHẦN I

DỰ KIẾN NỘI DUNG KỲ HỌP THỨ 7, QUỐC HỘI KHÓA XV

(Tài liệu trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp thứ 32)

A. Công tác lập pháp

I. Xem xét, thông qua 10 dự án luật, 03 nghị quyết¹

1. Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi);
2. Luật Lưu trữ (sửa đổi);
3. Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp;
4. Luật Đường bộ;
5. Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
6. Luật Thủ đô (sửa đổi);
7. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi);
8. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;
9. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ (theo quy trình tại một kỳ họp);
10. Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sửa đổi) (theo quy trình tại một kỳ họp);
11. Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An;
12. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 119/2020/QH14 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;
13. Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024.

II. Cho ý kiến 11 dự án luật²

¹ Căn cứ Nghị quyết số 89/2023/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023.

² Căn cứ: Nghị quyết số 89/2023/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023; Nghị quyết số 41/2023/UBTVQH15 về điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024.

1. Luật Công chứng (sửa đổi);
2. Luật Công đoàn (sửa đổi);
3. Luật Di sản văn hóa (sửa đổi);
4. Luật Địa chất và khoáng sản;
5. Luật Phòng không nhân dân;
6. Luật Quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn;
7. Luật Tư pháp người chưa thành niên;
8. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược;
9. Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi);
10. Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
11. Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

B. Xem xét, quyết định các vấn đề kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, giám sát và các vấn đề quan trọng khác

1. Xem xét, quyết định các vấn đề kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước:

- Xem xét các báo cáo về đánh giá bổ sung kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2023; tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước những tháng đầu năm 2024.

- Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 (*trong đó có báo cáo việc thực hiện quy định tại Nghị quyết số 91/2023/QH15 về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 và Nghị quyết số 94/2019/QH14 về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước*).

- Xem xét, quyết định về một số dự án sử dụng nguồn dự phòng chung của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tương ứng với nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ.

- Xem xét Báo cáo về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023³.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2023⁴.

2. Xem xét, thông qua các Nghị quyết về Chương trình giám sát và thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Quốc hội năm 2025.

3. Tiến hành giám sát chuyên đề “*Việc thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và các nghị quyết của*

³ Theo quy định tại khoản 4 Điều 67 của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

⁴ Theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật Bình đẳng giới.

Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia⁵ đến hết năm 2023”⁶.

4. Xem xét, thông qua chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035⁷.

5. Xem xét thông qua việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

6. Xem xét, quyết định phương án xử lý nguồn tiền thực hiện Phán quyết của Trọng tài quốc tế Vụ kiện Hợp đồng dầu khí Lô 01&02⁸ (*Quốc hội họp riêng*).

7. Xem xét, quyết định Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050⁹.

8. Xem xét, quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

9. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân gửi đến Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV.

10. Xem xét Báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV.

11. Tiến hành chất vấn và trả lời chất vấn.

12. Xem xét, thông qua Nghị quyết Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV.

13. Xem xét, quyết định vấn đề quan trọng khác (nếu có).

C. Các báo cáo gửi đại biểu tự nghiên cứu

1. Các báo cáo kết quả giám sát chuyên đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội:

- Báo cáo bước đầu của Đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả giám sát chuyên đề “*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông từ năm 2009 đến hết năm 2023*” về lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

⁵ Dự án Sân bay Long Thành; dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 và 2021 - 2025; dự án đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội; dự án đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh; dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; dự án đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1; dự án đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1.

⁶ Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 94/2023/QH15 về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề.

⁷ Theo quy định tại khoản 3.6 Điều 3 của Nghị quyết số 103/2023/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

⁸ Theo đề nghị của Ủy ban Tài chính, Ngân sách (căn cứ theo Tờ trình số 04/TTr-CP ngày 19/02/2024 của Chính phủ).

⁹ Theo quy định tại khoản 3.7 Điều 3 của Nghị quyết số 103/2023/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

2. Các báo cáo công tác của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Báo cáo việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại các kỳ họp trước¹⁰.

4. Báo cáo kết quả giám sát của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam¹¹.

5. Báo cáo của Tổng Thư ký Quốc hội về tổng hợp kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội¹².

6. Báo cáo của Chính phủ về:

+ Công tác của Chính phủ¹³;

+ Tài chính nhà nước năm 2022¹⁴;

+ Việc xử lý kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (theo yêu cầu tại Nghị quyết số 110/2023/QH15 Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV)¹⁵;

+ Kết quả công tác rà soát, xử lý các vướng mắc, bất cập về thủ tục hành chính¹⁶;

+ Kết quả thực hiện việc giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 10 của Nghị quyết số 110/2023/QH15 Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV;

+ Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội¹⁷;

+ Việc thực hiện Nghị quyết số 93/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án Hồ chứa nước Ka-pét, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận¹⁸;

+ Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện Dự án Hồ chứa nước sông Than, tỉnh Ninh Thuận và Dự án Hồ chứa nước Bản

¹⁰ Theo quy định tại khoản 7 Điều 15 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

¹¹ Theo quy định tại Điều 30 của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

¹² Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Nghị quyết số 560/NQ-UBTVQH15 về hướng dẫn việc tổ chức thực hiện hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội.

¹³ Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật Tổ chức Chính phủ (Báo cáo do Thủ tướng Chính phủ trình bày tại Phiên khai mạc kỳ họp Quốc hội).

¹⁴ Theo quy định tại khoản 4 Điều 30 của Luật Kế toán năm 2015.

¹⁵ Theo quy định tại mục 3 của Nghị quyết số 110/2023/QH15 Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV.

¹⁶ Theo quy định tại khoản 3.9 Điều 3 của Nghị quyết số 103/2023/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

¹⁷ Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

¹⁸ Theo quy định tại Điều 4 của Nghị quyết số 93/2019/QH14 về chủ trương đầu tư Dự án Hồ chứa nước Ka Pét, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Mông, tỉnh Nghệ An theo quy định tại Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội¹⁹;

+ Tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế²⁰; điều ước quốc tế năm 2023²¹;

+ Công tác bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước²²;

+ Kết quả thực hiện quyền trẻ em và việc thực hiện nhiệm vụ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương liên quan đến trẻ em²³;

+ Kết quả thực hiện điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 99/2023/QH15 về giám sát chuyên đề về việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng²⁴.

7. Báo cáo của Kiểm toán nhà nước về:

+ Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2023²⁵ (trong đó có báo cáo kết quả kiểm toán năm, kiểm toán chuyên đề và kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán về kế hoạch, chương trình, dự án²⁶);

+ Kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước²⁷ (trong đó có báo cáo việc thực hiện quy định tại Nghị quyết số 91/2023/QH15 về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 và Nghị quyết số 94/2019/QH14 về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước);

+ Tổng hợp kết quả kiểm toán tổ chức thực hiện Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội²⁸.

¹⁹ Căn cứ Nghị quyết số 90/2023/QH15 về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2024.

²⁰ Theo quy định tại khoản 1 Điều 44 của Luật Thỏa thuận quốc tế.

²¹ Theo quy định tại khoản 3 Điều 77 của Luật Điều ước quốc tế 2016.

²² Theo quy định tại khoản 4 Điều 165 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

²³ Theo quy định tại khoản 5 Điều 80 của Luật Trẻ em.

²⁴ Theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 99/2023/QH15 về “Giám sát chuyên đề về việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng”.

²⁵ Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Kiểm toán nhà nước 2015.

²⁶ Theo quy định tại khoản 3 Điều 86 của Luật Đầu tư công.

²⁷ Theo quy định tại khoản 3 Điều 48 của Luật Kiểm toán nhà nước.

²⁸ Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

PHẦN II BÁO CÁO

Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang trong những tháng đầu năm 2024

(Phục vụ Đoàn ĐBQH tỉnh, ĐBQH tiếp xúc cử tri trước kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV từ ngày 24/4 – 26/4/2024)

A. HOẠT ĐỘNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

I. HOẠT ĐỘNG KHẢO SÁT, GIÁM SÁT

1. Từ đầu năm 2024 đến nay, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã tham gia 02 Đoàn khảo sát của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội tại địa phương:

- Đoàn Công tác của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội về việc khảo sát tình hình kinh tế - xã hội và chúc Tết Chôn Thăm tại An Giang.
- Đoàn Công tác của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội tổ chức khảo sát thực tiễn thi hành pháp luật về công chứng.

2. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tổ chức 04 cuộc giám sát theo sự ủy quyền của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

2.1. Giám sát chuyên đề của Quốc hội về “Việc thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và các Nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023” trên địa bàn tỉnh An Giang”.

2.2. Giám sát chuyên đề của Quốc hội về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội” trên địa bàn tỉnh An Giang.

2.3. Giám sát chuyên đề của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2023” trên địa bàn tỉnh An Giang.

2.4. Giám sát chuyên đề của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông từ năm 2009 đến hết năm 2023” trên địa bàn tỉnh An Giang.

II. TỔ CHỨC HỘI THẢO LẤY Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CÁC DỰ ÁN LUẬT TRÌNH THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ 7, QUỐC HỘI KHÓA XV

- Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)

- Luật Đường bộ
- Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ
- Luật SDBS một số điều của Luật Đầu giá tài sản
- Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp
- Luật Lưu trữ (sửa đổi)
- Luật Thủ đô (sửa đổi)
- Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi)

III. TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh xây dựng lịch tiếp công dân định kỳ (01 lần/tháng) tại trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân tỉnh để các vị đại biểu Quốc hội địa phương đơn vị tỉnh thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đồng thời cử công chức phục vụ tiếp công dân thường xuyên tại trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân tỉnh.

Từ ngày 21/11/2023 – 15/4/2024, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tổ chức tiếp định kỳ 04 ngày, có 01 ngày tiếp định kỳ tháng 12/2023 có 01 lượt công dân liên hệ. Kết quả xử lý: chuyển khiếu nại của công dân đến UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Tiếp thường xuyên: 10 lượt. Kết quả xử lý: giải thích pháp luật, hướng dẫn công dân tuân thủ pháp luật hoặc liên hệ cơ quan có thẩm quyền.

Đoàn ĐBQH tỉnh đã tiếp nhận và xử lý 86 đơn (gồm 20 đơn khiếu nại, 16 đơn tố cáo, 45 đơn kiến nghị, 05 đơn phản ánh). Kết quả xử lý: chuyển 05 đơn đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết; hướng dẫn công dân liên hệ cơ quan có thẩm quyền 11 đơn; lưu theo dõi 71 đơn do không đủ điều kiện xử lý, đơn trùng, đơn đã được đồng gửi đến cơ quan có thẩm quyền, trong đó tổng hợp kiến nghị cử tri tại 01 đơn vào Báo cáo Tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri sau Kỳ họp thứ Sáu, Quốc hội khóa XV để chuyển đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết, trả lời theo quy định.

Đoàn ĐBQH đã ban hành văn bản đôn đốc các cơ quan, đơn vị rà soát, giải quyết, phản hồi đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân do Đoàn ĐBQH chuyển đến các năm trước đây. Qua đôn đốc, Đoàn ĐBQH nhận được 06 văn bản phản hồi của các cơ quan, đơn vị đối với đơn do Đoàn ĐBQH chuyển vào năm 2023.

IV. HOẠT ĐỘNG CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI, ĐỀN ƠN ĐÁP NGHĨA

Đoàn ĐBQH tỉnh đã xây dựng kế hoạch tổ chức thăm, tặng 163 phần quà tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 cho đại biểu Quốc hội các khóa, một số gia đình chính sách khó khăn của 11 huyện, thị, thành phố, tổ chức xã hội trên địa bàn

tính với tổng số tiền **181.000.000đ²⁹**.

Riêng các vị đại biểu Quốc hội khóa XV đã vận động **3.680** phần quà tặng cho cơ sở tình thương, một số hộ gia đình chính sách khó khăn, hộ GD khó khăn, hộ cận nghèo, hộ nghèo, hộ công nhân nghèo của huyện, thị, thành phố trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền **2.600.000.000** đồng; **33** biểu trưng nhà “Đại đoàn kết” với tổng số tiền **1.650.000.000đ**; **30** hệ thống máy lọc nước trị giá trên **150.000.000** đồng. Tổng trị giá **4.400.000.000** đồng³⁰.

Ngoài ra, Đoàn ĐBQH tỉnh đã tổ chức thăm, tặng quà **40** hộ nghèo trên địa bàn TP Long Xuyên và huyện Châu Thành (500.000đ tiền mặt/hộ) với tổng số tiền **20.000.000đ** từ nguồn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

B. THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC DO QUỐC HỘI TỔ CHỨC

1. Dự kỳ họp bất thường lần thứ năm và kỳ họp bất thường lần thứ sáu Quốc hội khóa XV.

2. Dự Hội nghị toàn quốc lần thứ hai triển khai luật, nghị quyết của Kỳ họp thứ 6 và Kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội khóa XV

²⁹ - Trong đó: 45 phần quà tặng đại biểu Quốc hội các khóa (phần quà trị giá 1 triệu đồng); 110 một số hộ gia đình chính sách khó khăn của 11 huyện, thị, thành phố (1 triệu đồng/hộ); 03 tập thể có đóng góp đối với hoạt động của Quốc hội, Đoàn ĐBQH qua các nhiệm kỳ (mỗi đơn vị 01 phần quà trị giá 2 triệu đồng; Ban TSPGHH (mỗi đơn vị 01 phần quà trị giá 1 triệu đồng và 3 triệu đồng tiền mặt); 04 đơn vị tổ chức xã hội từ thiện nuôi dưỡng người già và trẻ mồ côi (mỗi đơn vị 01 phần quà trị giá 1 triệu đồng và 3 triệu đồng tiền mặt).

³⁰ Phó Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Võ Thị Ánh Xuân và đoàn công tác đã trao **2.000** phần quà Tết tặng các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn (Trong đó: 1.000 phần trị giá 500.000đ; 1.000 phần gồm có 700.000đ tiền mặt và giỏ quà trị giá 300.000đ) và **30** phần quà cho các hộ GĐCS tại xã Mỹ Hòa Hưng (gồm: 1 triệu đồng tiền mặt và giỏ quà 200.000đ); tặng biểu trưng **10** căn nhà đại đoàn kết (50 triệu đồng/căn nhà), **30** hệ thống lọc nước uống tại chỗ cho 30 điểm trường học trên địa bàn tỉnh. Tổng số khoảng 2,2 tỷ.

- ĐBQH Đôn Tuấn Phong vận động Ngân hàng Vietin bank tặng **1.000** phần quà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (500.000đ/hộ gồm phần quà trị giá 200.000đ và 300.000đ tiền mặt) tại huyện An Phú (250 phần), huyện Tịnh Biên (200 phần), huyện Tri Tôn (200 phần), huyện Châu Phú (250 phần), huyện Chợ Mới (100 phần). Tổng số tiền 500.000.000 đ (mỗi hộ gồm phần quà 200.000đ và 300.000đ tiền mặt).

- ĐBQH Lương Quốc Đoàn tặng **300** phần quà cho hộ GĐCS, hộ GD khó khăn, hộ cận nghèo của TX Tân Châu, huyện Phú Tân và huyện Chợ Mới (800.000đ/hộ gồm: 600.000 tiền mặt và 200.000đ tiền quà/hộ); **100** phần quà cho hộ GĐCS, hộ GD khó khăn, hộ cận nghèo của TP Long Xuyên (1.000.000đ/hộ gồm: 800.000 tiền mặt và 200.000đ tiền quà/hộ); **100** phần quà cho hộ GĐCS, hộ GD khó khăn, hộ cận nghèo cho huyện Thoại Sơn (1.200.000đ/hộ gồm: 1.000.000 tiền mặt và 200.000đ tiền quà/hộ). Tổng số tiền 460.000.000 đ.

- ĐBQH Hoàng Hữu Chiến tặng biểu trưng 3 căn nhà Đại đoàn kết tại TX Tân Châu, huyện Phú Tân và huyện Chợ Mới (50 triệu đồng/căn nhà). Tổng số tiền 150.000.000 đ.

- Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh Trần Thị Thanh Hương vận động Tổng Giám đốc Cty CP Đầu tư xây dựng và khai thác khoáng sản Thăng Long Thái Nguyên tặng biểu trưng **20** căn nhà cho hộ khó khăn, hộ nghèo (50 triệu đồng/căn nhà) tại TX Tân Châu, huyện Phú Tân, huyện Chợ Mới, huyện Thoại Sơn trị giá **1 tỷ đồng**. Ngoài ra, trao tặng 100 phần quà cho các hộ công nhân có hoàn cảnh khó khăn tại huyện Chợ Mới và huyện Châu Thành (1 triệu đồng tiền mặt/ phần). Tổng số tiền 1,1 tỷ đồng.

- Phó Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh Trình Lam Sinh tặng **50** phần quà cho hộ nghèo tại phường Mỹ Xuyên, TP Long Xuyên (300.000đ/hộ gồm: 100.000đ tiền mặt và giỏ quà 200.000đ) từ nguồn hỗ trợ của Cty XSKT **5 triệu đồng tiền mặt và 50 giỏ quà**; tặng 50 phần quà cho hộ khó khăn, hộ nghèo tại huyện Thoại Sơn (500.000đ/hộ). Tổng trị giá 40.000.000đ

2. Dự phiên chất vấn và trả lời chất vấn trực tuyến tại phiên họp thứ 31 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Đ/c Trình Lam Sinh – Phó Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh tham dự Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách để thảo luận một số nội dung trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV.

4. Đ/c Trần Thị Thanh Hương - Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh tham gia Đoàn Công tác của Nhóm Nữ Đại biểu Quốc hội Việt Nam về thăm và làm việc tại tỉnh Luông-pha-bang, CHDCND Lào.

PHẦN III BÁO CÁO

Tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2024 của tỉnh An Giang

1. Những kết quả chủ yếu đạt được:

Kinh tế - xã hội quý I năm 2024 của tỉnh An Giang có nhiều chuyển biến tích cực, GRDP tăng trưởng cao so với cùng kỳ. Các lĩnh vực văn hóa, an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt. Trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh được đảm bảo. Cụ thể kết quả đạt được như sau:

Khu vực	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Kịch bản quý I/2024	TH quý I/2024 so cùng kỳ	TH quý I/2023 so cùng kỳ
Tăng trưởng GRDP (%)	%	7,5 - 8,5	6,56 - 7,11	5,39	5,31
Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	3,5 - 3,8	2,18	2,11	2,64
Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	12,5 - 13,7	11,58 - 12,78	10,79	9,44
Khu vực dịch vụ	%	9,35 - 10,9	10,23 - 11,8	7,80	7,67
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	1,80 - 2,00	2,11 - 3,11	0,82	0,99

1.1. Về phát triển kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) quý I năm 2024 ước tăng 5,39% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng của cùng kỳ năm trước (5,31%). Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 2,11%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,79%; khu vực dịch vụ tăng 7,80%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 0,82%.

Về cơ cấu kinh tế quý I năm 2024: khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ trọng 43,34%; khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm 12,35%; khu vực dịch vụ chiếm 40,81%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,49%. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

a) Khu vực Nông, lâm, thủy sản và xây dựng nông thôn mới

* *Trồng trọt:* Vụ Đông Xuân (2023-2024) đã thực hiện xuống giống cây lúa được 227,7 ngàn ha, đạt 99,87% kế hoạch và tăng 28 ha so với cùng kỳ. Ước năng suất cả vụ đạt 75,58 tạ/ha (tăng 0,08 tạ/ha so với cùng kỳ), sản lượng đạt 1,721 triệu tấn (tăng 02 ngàn tấn với cùng kỳ). Hoa màu đã gieo trồng khoảng 18 ngàn ha hoa màu, đạt 102% kế hoạch, thu hoạch gần 9,5 ngàn ha, đạt 54,28% diện tích.

* *Chăn nuôi:* Số lượng và sản phẩm thịt hơi xuất chuồng của một số vật nuôi trong quý I ước đạt 9,5 ngàn tấn, so cùng kỳ tăng 1,04 ngàn tấn.

* *Thủy sản*: Giá bán cá tra nguyên liệu dao động từ 26-28,5 ngàn đồng/kg, giảm khoảng 1-3 ngàn đồng/kg so với cùng kỳ. Số lượng con giống đạt khoảng 32 triệu con, giảm 3,38% so với cùng kỳ.

* *Xây dựng nông thôn mới*: đã ban hành Quyết định công nhận 4 xã nông thôn mới³¹, 5 xã nông thôn mới nâng cao³², 02 xã nông thôn mới kiểu mẫu³³ và họp Hội đồng cấp tỉnh thống nhất trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt công nhận huyện Thoại Sơn là huyện nông thôn mới nâng cao.

b) *Lĩnh vực Tài nguyên và môi trường*: Tập trung giải quyết hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản và tài nguyên nước; duy trì công tác thu gom và xử lý rác thải. Tập trung rà soát cấp cát, đá cho các công trình giao thông trọng điểm.

c) *Sản xuất Công nghiệp - Xây dựng*

* *Công nghiệp*: Ước chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 10,90% so với cùng kỳ, trong đó: ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 10,94%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 10,66%,....

* *Giải ngân vốn đầu tư xây dựng*: Tỉnh An Giang đã phân bổ 100% kế hoạch vốn được Trung ương giao, tổ chức Hội nghị tổng kết công tác giải ngân vốn đầu tư công năm 2023; ban hành kế hoạch tổ chức các cuộc kiểm tra công trình trọng điểm. Giá trị giải ngân đến hết tháng 3 ước đạt 1.458 tỷ đồng, đạt 18,06% kế hoạch.

d) *Thương mại - Dịch vụ*

* *Thương mại*: Hoạt động thương mại - dịch vụ ổn định, lượng hàng hóa được các doanh nghiệp chuẩn bị dồi dào, chủng loại phong phú, chất lượng đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu mua sắm của người dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 28.037 tỷ đồng, tăng 14,85% so với cùng kỳ.

* *Du lịch*: Toàn tỉnh đón tổng số 4,1 triệu lượt khách, tăng 2,5% so với cùng kỳ và đạt 46% so với kế hoạch năm 2024. Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt 4.500 tỷ đồng, tăng 80% so với cùng kỳ và đạt 73% so với kế hoạch cả năm.

* *Xuất, nhập khẩu*: Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 300,4 triệu USD, tăng 5,32% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh đạt như sau: Gạo đạt 113,3 ngàn tấn, tương đương 68,2 triệu USD, so với cùng kỳ tăng 2,8% về sản lượng và tăng 12,4% về kim ngạch. Thủy sản đông lạnh

³¹ Xã Tân Trung, huyện Phú Tân; xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu; xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn; xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành.

³² Xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành; xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc; xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu; xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn; xã Long Điền B, huyện Chợ Mới.

³³ Xã Vĩnh Trạch và xã Định Thành, huyện Thoại Sơn.

đạt ước đạt 39 ngàn tấn, tương đương 77,3 triệu USD, so với cùng kỳ tương đương về sản lượng và tăng 1,70% về kim ngạch. Rau quả đông lạnh đạt 35,4 ngàn tấn, tương đương 16,5 triệu USD, so với cùng kỳ tăng 10,7% về kim ngạch.

Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 51,2 triệu USD, tăng 5,85% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như: nguyên vật liệu hàng may mặc, thuốc trừ sâu và nguyên liệu.

đ) Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước từ kinh tế địa bàn trong quý I đạt 2.725 tỷ đồng, bằng 116% so với cùng kỳ. Trong đó: thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 175 tỷ đồng, bằng 209% so với cùng kỳ; thu nội địa là 2.550 tỷ đồng, bằng 113% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương trong quý I là 4.403 tỷ đồng, bằng 151% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển là 779 tỷ đồng, bằng 213% so với cùng kỳ và chi thường xuyên là 2.903 tỷ đồng, bằng 126% so với cùng kỳ.

e) Đăng ký kinh doanh và thu hút đầu tư

* *Tình hình đăng ký doanh nghiệp*: Trong quý I, số doanh nghiệp đăng ký mới là 245 doanh nghiệp (tăng 14,22%) với tổng số vốn đăng ký là 425 tỷ đồng (giảm 23,32%); Số doanh nghiệp hoạt động trở lại 162 doanh nghiệp, tăng 4,85%. Bên cạnh đó, Số doanh nghiệp giải thể là 63 doanh nghiệp (tăng 100%); Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động là 326 doanh nghiệp, (tăng 12,44%).

* *Tình hình thu hút đầu tư*: Tiếp tục xây dựng các Chương trình xúc tiến đầu tư năm 2024. Tại Hội nghị công bố Quy hoạch tỉnh An Giang được tổ chức ngày 19/01/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trao Biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa tỉnh An Giang với 09 doanh nghiệp, nhà đầu tư lớn có tiềm năng, gồm: Becamex IDC, Tập đoàn BIM, Công ty Cổ phần FPT, Tập đoàn Hưng Thịnh, Công ty Cổ phần Kosy, Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời, Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Thuận, Công ty Cổ phần Bất động sản tập đoàn Tân Á Đại Thành, Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình.

1.2. Về phát triển Văn hóa - xã hội

a) *Giáo dục và đào tạo*: tập trung chuẩn bị các điều kiện tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT, kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, năm học 2024-2025; tổ chức Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia năm học 2023-2024, kết quả đạt 33 giải (04 giải Nhì, 14 giải Ba, 15 Khuyến khích).

b) *Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân*: Toàn tỉnh ghi nhận 477 ca mắc sốt xuất huyết, giảm 62% so với cùng kỳ; 470 ca mắc tay-chân-miệng, tăng 163% so với cùng kỳ. Số người tham gia các loại bảo hiểm xã hội bắt buộc,

bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế đều tăng so với cùng kỳ năm 2023, riêng tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện giảm so với cùng kỳ³⁴.

c) *Lao động thương binh - xã hội*: Tỉnh đã chi trợ cấp ưu đãi hơn 17,6 ngàn lượt người có công và thân nhân với số tiền hơn 38 tỷ đồng; hướng dẫn trợ cấp Tết đối với 12.459 người có công với cách mạng được nhận quà Tết của Chủ tịch nước với kinh phí trên 3,7 tỷ đồng. Trợ cấp thất nghiệp cho 2.259 trường hợp với tổng số tiền gần 41 tỷ đồng; tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động cho 9.139 trường hợp; toàn tỉnh có 112 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Nhật Bản: 66 lao động, Đài Loan: 37 lao động, Hàn Quốc: 09 lao động).

d) *Văn hóa, thể dục, thể thao*

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa - nghệ thuật mừng Xuân Giáp Thìn năm 2024, kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, các sự kiện trọng đại của tỉnh và đất nước. Đặc biệt trong tháng 3, đã tổ chức chuỗi sự kiện chào mừng và Lễ kỷ niệm 25 năm thành lập thành phố Long Xuyên - Quê hương Chủ tịch Tôn Đức Thắng (01/3/1999 - 01/3/2024).

Trong 03 tháng đầu năm đã cử 06 HLV và 34 VĐV của An Giang tập trung đội tuyển, đội tuyển trẻ thể thao quốc gia năm 2023. Có 02 vận động viên của An Giang xuất sắc giành 2/5 suất của Việt Nam chính thức tham dự Olympic Paris 2024.

1.3. Lĩnh vực nội chính và quản lý nhà nước

* *Công tác cải cách hành chính*: Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy các cấp theo kế hoạch; chính sách tinh giảm biên chế; triển khai thực hiện dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 trên cổng dịch vụ công của tỉnh. Chỉ số PAPI An Giang tăng 9 bậc so với năm 2022, đứng thứ 35 cả nước và đứng thứ 3 khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

* *Công tác Thanh tra và tiếp công dân*: Các ngành, địa phương đã tổ chức tiếp 1.744 lượt công dân đến trình bày khiếu nại, khiếu kiện. Đã xử lý 644 đơn, số đơn đủ kiện xử lý 492 đơn, chủ yếu về tranh chấp đất đai, chính sách đền bù.

* *Quốc phòng - an ninh*: Tổ chức tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ và tham gia Công an nhân dân 1.737/1.737, đạt 100% chỉ tiêu. Tiếp tục nắm chắc tình hình, nhất là tình hình an ninh biên giới, kiểm soát tốt tình hình trên tuyến biên giới, các địa bàn trọng điểm, đảm bảo an ninh trật tự.

2. Nhận xét, đánh giá

³⁴ Ước đến cuối tháng 3/2024, toàn tỉnh có 115.001 người trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, đạt tỷ lệ 12,28%, tăng 1.326 người so với cùng kỳ; có 15.939 người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, đạt tỷ lệ 3,27%, giảm 1.297 người so với cùng kỳ; có 104.908 người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, chiếm 11,2%, tăng 1.548 người so với cùng kỳ; có 1.703.924 người tham gia bảo hiểm y tế, đạt tỷ lệ 89,27%, tăng 20.773 người so với cùng kỳ.

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Tính năng động, sáng tạo của một số sở, ngành tỉnh và một vài địa phương chưa được phát huy tích cực. Nguồn cung vật liệu xây dựng cho các công trình trọng điểm của tỉnh còn khó khăn. Tình hình dịch bệnh tay-chân-miệng còn diễn biến phức tạp. An ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông còn diễn biến phức tạp. Một số công trình, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị và nhà ở thương mại còn gặp vướng mắc về trình tự, thủ tục dẫn đến tiến độ triển khai chậm.

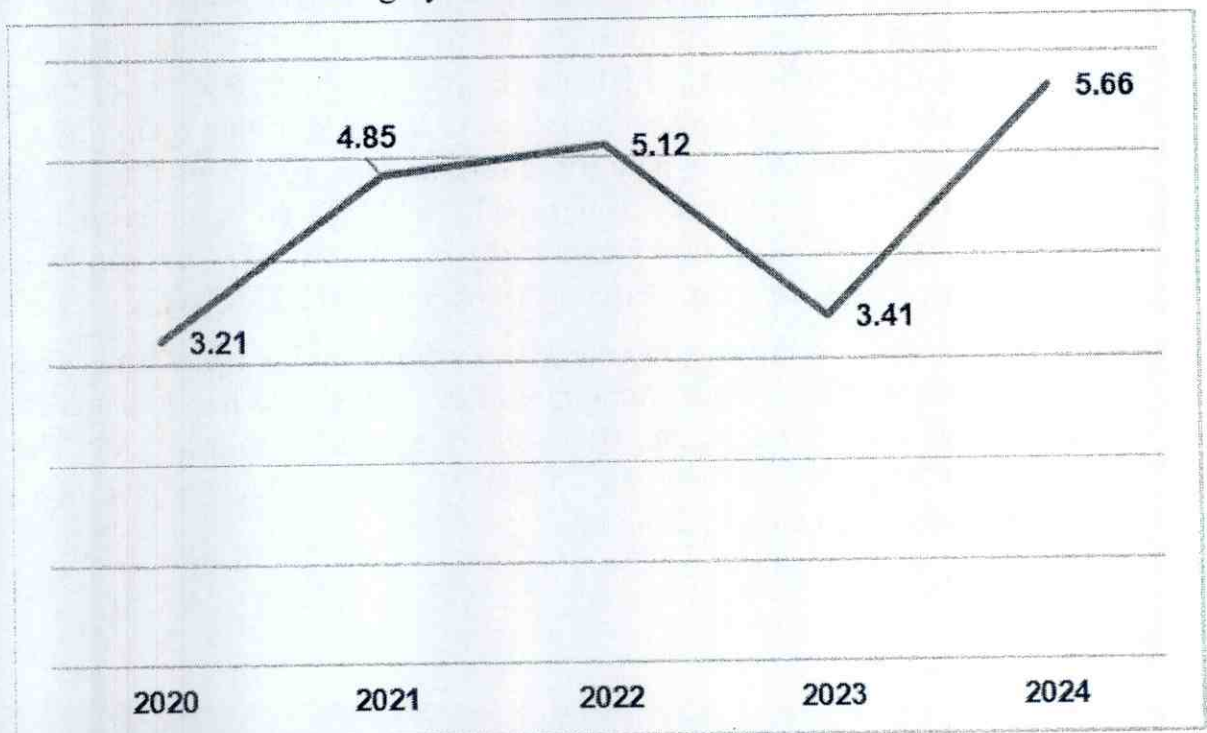
PHẦN IV

MỘT SỐ ĐIỂM SÁNG TÌNH HÌNH KINH TẾ – XÃ HỘI VIỆT NAM QUÝ I NĂM 2024

Những tháng đầu năm 2024, kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương đã quyết liệt thực hiện giải pháp trong Chỉ thị, Nghị quyết của Chính phủ về phát triển kinh tế – xã hội nhằm đạt kết quả cao nhất các mục tiêu của kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2024. Tình hình kinh tế – xã hội quý I/2024 của nước ta duy trì xu hướng tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo, các ngành, lĩnh vực đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo đà tăng trưởng cho các quý tiếp theo. Một số điểm sáng kinh tế – xã hội quý I/2024 của nước ta như sau:

(1) Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, khó khăn nhiều hơn thuận lợi nhưng kinh tế quý I/2024 của nước ta vẫn duy trì tăng trưởng tích cực nhờ hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội và điều hành, quản lý vĩ mô của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành và địa phương. Tốc độ tăng GDP quý I năm nay đạt 5,66% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,98%, đóng góp 6,09% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,28%, đóng góp 41,68%; khu vực dịch vụ tăng 6,12%, đóng góp 52,23%.

Hình 1: Tốc độ tăng GDP quý I
so với cùng kỳ năm trước các năm 200-2024 (%)



(2) Tiến độ thu hoạch lúa đông xuân nhanh hơn năm trước; sản lượng một số cây lâu năm, các sản phẩm chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu đều tăng so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến 15/3/2024, vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã thu hoạch 868,8 nghìn ha lúa đông xuân, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng ước đạt 10,7 triệu tấn, tăng 65 nghìn tấn. Sản lượng thu hoạch nhiều loại cây ăn quả quý I/2024 tăng so với cùng kỳ năm 2023 do thời tiết thuận lợi, giá bán sản phẩm ổn định. Trong đó, xoài tăng 3,6%; chuối tăng 3,8%; cam tăng 4,1%; sầu riêng tăng 27,1% ...

Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng quý I/2024 ước đạt 132,5 nghìn tấn, tăng 1,5%; sản lượng sữa bò tươi tăng 5,2%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 1.293,9 nghìn tấn, tăng 4,6% do chăn nuôi lợn khởi sắc, giá bán thịt hơi tăng; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 593,5 nghìn tấn, tăng 5,1%; sản lượng trứng gia cầm tăng 4,8%.

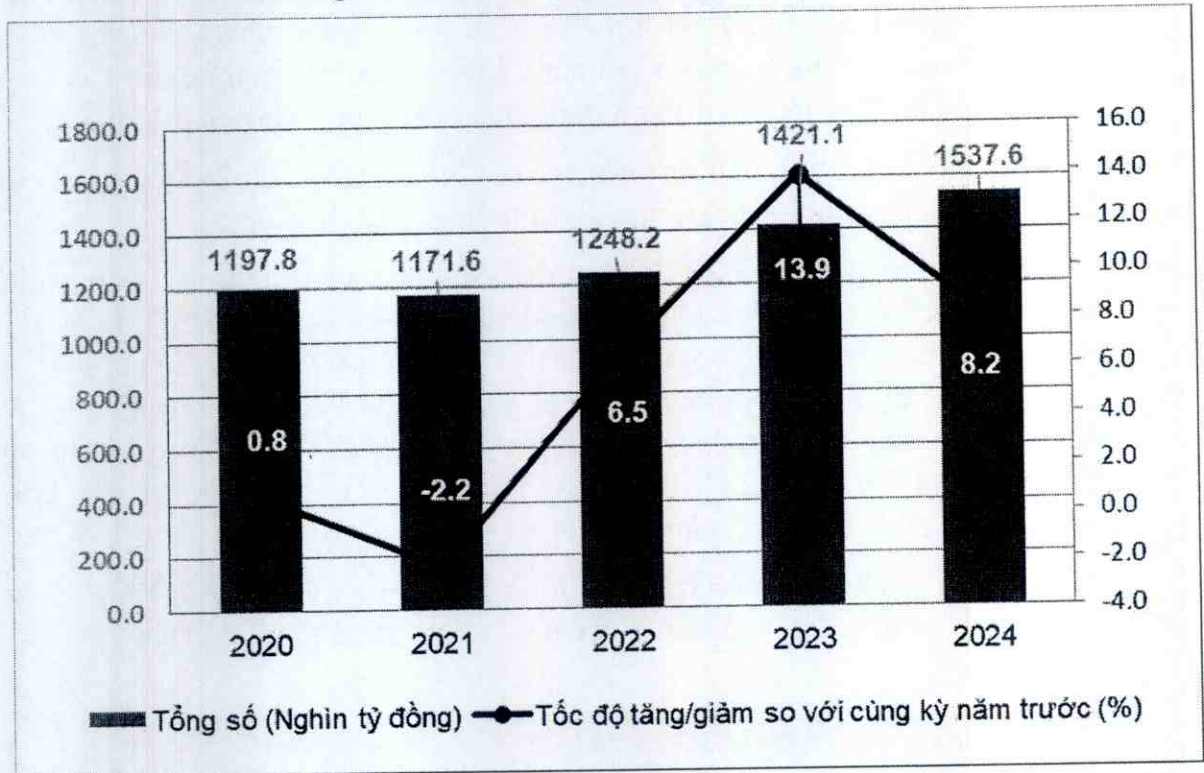
Công tác chăm sóc và bảo vệ rừng, thu hoạch gỗ đến kỳ khai thác được đẩy mạnh. Tính chung quý I/2024, số cây lâm nghiệp trồng phân tán ước đạt 23,6 triệu cây, tăng 3,6%; sản lượng gỗ khai thác đạt 3.670,1 nghìn m³, tăng 4,6% do xuất khẩu gỗ khởi sắc.

Nuôi trồng thủy sản tăng khá do cá tra nguyên liệu và tôm thẻ chân trắng tăng so với quý trước[1]. Sản lượng thủy sản nuôi trồng quý I/2024 ước tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, cá tra tăng 4,2%, tôm thẻ chân trắng tăng 5,8%.

(3) Tỷ lệ tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước, là tín hiệu tốt của nền kinh tế. Tỷ lệ tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo[2] bình quân quý I/2024 là 68,7% (cùng kỳ năm trước là 81,1%). Một số ngành có tỷ lệ tồn kho bình quân quý I năm nay ở mức thấp hơn cùng kỳ năm trước là: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa 108,7% (cùng kỳ năm trước là 153,9%); sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất 104,6% (cùng kỳ năm trước là 190,1%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác 55,7% (cùng kỳ năm trước là 131,9%)...

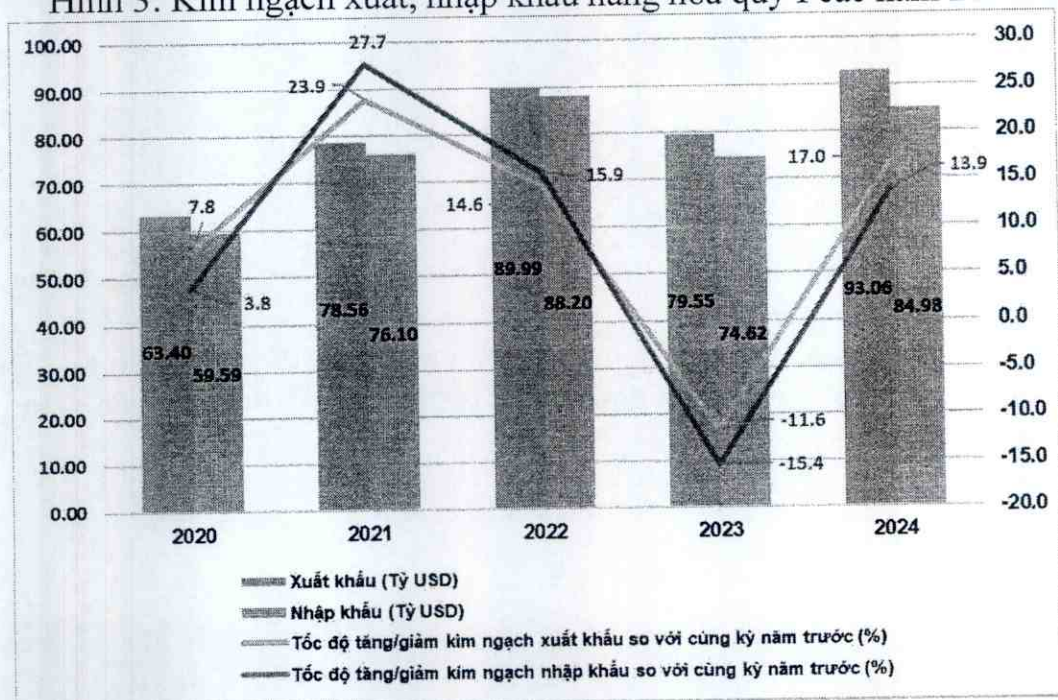
(4) Hoạt động thương mại dịch vụ sôi động và duy trì mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước; vận chuyển hành khách tăng 8,5% và luân chuyển tăng 10,7%; vận chuyển hàng hóa tăng 13% và luân chuyển tăng 11,2%.

Hình 2: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành quý I các năm 2020-2024



Cán cân thương mại hàng hóa quý I/2024 ước tính xuất siêu 8,08 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 4,93 tỷ USD), trong đó xuất siêu của một số mặt hàng: Điện thoại và linh kiện 12,37 tỷ USD; gỗ và sản phẩm gỗ 2,82 tỷ USD; máy ảnh, máy quay phim và linh kiện 1,59 tỷ USD; thủy sản 1,23 tỷ USD; rau quả 722 triệu USD; sản phẩm từ chất dẻo 684 triệu USD; máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng khác 564 triệu USD.

Hình 3: Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa quý I các năm 2020-2024

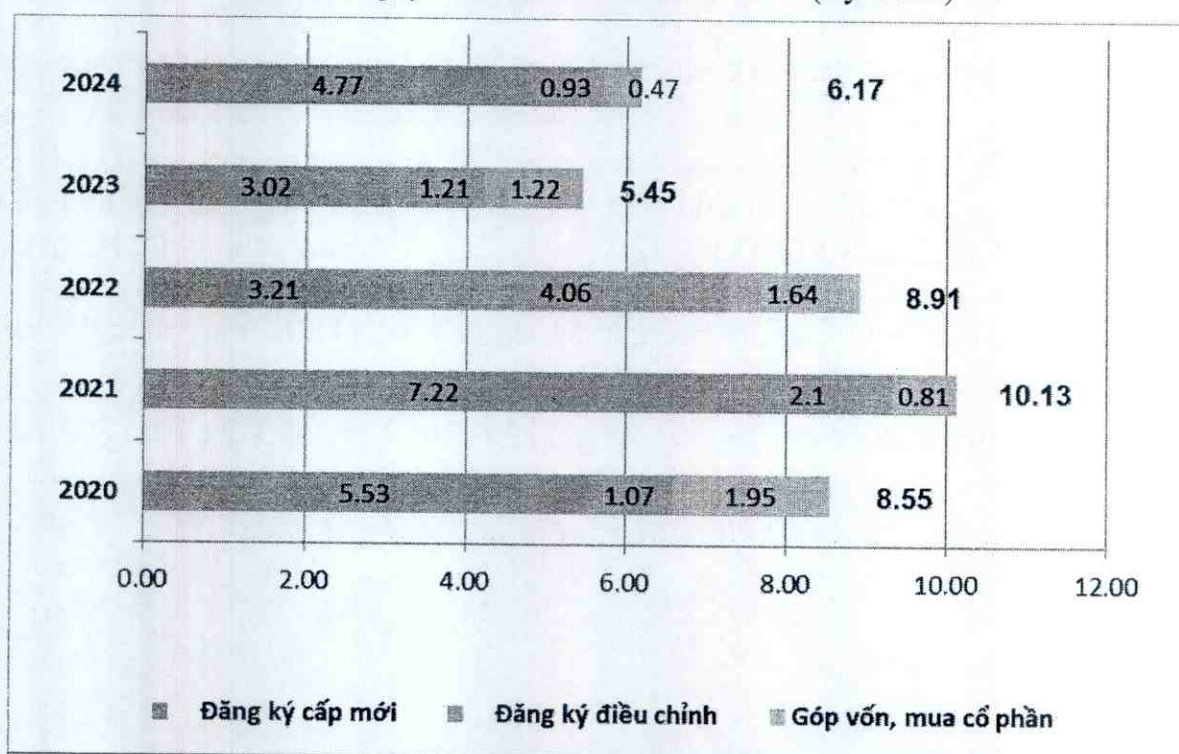


(5) Khách quốc tế đến nước ta tăng cao nhờ triển khai hiệu quả từ các chính sách thị thực thuận lợi và chương trình kích cầu du lịch. Khách quốc tế đến Việt Nam quý I/2024 đạt hơn 4,6 triệu lượt người, tăng 72% so với cùng kỳ năm trước và tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2019 – năm chưa xảy ra dịch Covid-19, cho thấy ngành du lịch đang ngày càng phục hồi mạnh mẽ.

(6) Thu hút vốn đầu tư nước ngoài tính đến 20/3/2024 tiếp tục là điểm sáng trong bối cảnh thương mại, đầu tư toàn cầu bị thu hẹp.

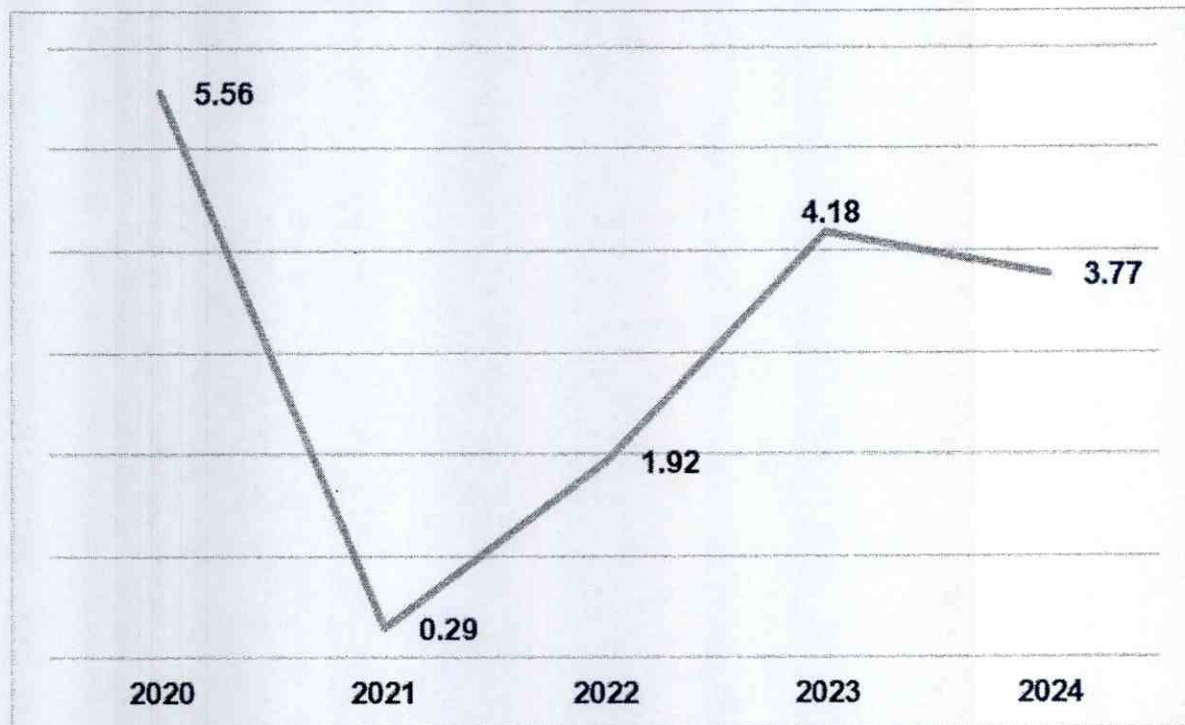
Tính đến ngày 20/3/2024, cả nước có 644 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nước ngoài với số vốn đạt 4.774 triệu USD, tăng 23,4% về số dự án và tăng 57,9% về số vốn so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 có 522 dự án và vốn đăng ký đạt 3.023 triệu USD), cho thấy Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài. Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện đạt 4.630 triệu USD, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước, là mức thực hiện cao nhất trong 5 năm qua[1].

Hình 4: Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/3 các năm 2020-2024 (Tỷ USD)



(7) Lạm phát được kiểm soát theo mục tiêu đề ra. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân quý I/2024 tăng 3,77% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát cơ bản tăng 2,81%.

Hình 5: Tốc độ tăng CPI bình quân quý I
so với cùng kỳ năm trước các năm 2020-2024 (%)



(8) Lao động, việc làm trong quý I/2024 đã quay trở lại xu hướng phát triển bình thường như những năm trước dịch Covid-19; công tác bảo đảm an sinh xã hội được các cấp, ngành thực hiện kịp thời, hiệu quả.

So với cùng kỳ năm trước, lao động có việc làm quý I/2024 ước tăng 174,1 nghìn người; tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động ước giảm 0,01 điểm phần trăm; thu nhập bình quân của lao động là 7,6 triệu đồng/tháng, tăng 549 nghìn đồng.

Tính đến ngày 19/3/2024, tổng số tiền hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 là 8,1 nghìn tỷ đồng; hộ nghèo, hộ cận nghèo là hơn 2,4 nghìn tỷ đồng; người có công, thân nhân người có công với cách mạng là 9,2 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, bảo hiểm xã hội đã cấp phát hơn 27,1 triệu thẻ BHYT/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí cho các đối tượng thụ hưởng.